

Các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn và hiệu quả trong hoạt động thực địa của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

Nguyễn Minh Quang*¹, Quách Thị Lan Phượng²,
Lê Minh Hiếu³, Nguyễn Phạm Ngọc Thiện⁴

* Tác giả liên hệ

¹ Email: nmquang@ctu.edu.vn

² Email: phuongb1901333@student.ctu.edu.vn
Trường Đại học Cần Thơ
Đường 3/2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ,
Việt Nam

³ Email: hieu.mef@gmail.com

Diễn đàn Môi trường Mekong
40M/2 KV3, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt
Nam

⁴ Email: npnhtien@agu.edu.vn

Trường Đại học An Giang
Đường Ung Văn Khiêm, thành phố Long Xuyên,
tỉnh An Giang, Việt Nam

TÓM TẮT: Hoạt động thực địa là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo, giúp sinh viên phát triển kỹ năng chuyên môn và năng lực hội nhập mà UNESCO định nghĩa cho công dân thế kỷ XXI. Tuy nhiên, khả năng tham gia và hiệu quả của hoạt động thực địa thường khác biệt và không bình đẳng giữa các sinh viên. Nghiên cứu này nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực địa của sinh viên nhằm lý giải cho vấn đề trên. Kết quả khảo sát 204 sinh viên Trường Đại học Cần Thơ cho thấy, 4 trong 12 yếu tố có ảnh hưởng đến tính an toàn và hiệu quả trong hoạt động thực địa, gồm: “Chính sách của nhà trường” (mean = 4,21), “Bối cảnh địa lý” (mean = 4,00), “Bối cảnh xã hội” (mean = 4,09) và “Sức khỏe” (mean = 4,36). Các yếu tố này ít được đề cập trong các nghiên cứu gần đây ở các nền giáo dục phương Tây vốn nhấn mạnh sự ảnh hưởng của giới tính, kinh nghiệm, nhận thức, tài chính và bối cảnh chính trị. Chúng tôi khuyến nghị rằng, cần thể chế hóa hoạt động thực địa trong trường đại học kèm các chính sách hỗ trợ, trang bị tài liệu và các chương trình tập huấn thường xuyên. Điều đó sẽ giúp sinh viên tự tin và chuẩn bị tốt cho hoạt động thực địa ở những bối cảnh khác nhau trong và ngoài nước.

TỪ KHÓA: Hoạt động thực địa, Trường Đại học Cần Thơ, thực địa an toàn, năng lực hội nhập, dịch chuyển sinh viên.

→ Nhận bài 02/8/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 09/9/2023 → Duyệt đăng 15/11/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311112>

1. Đặt vấn đề

Hoạt động thực địa chỉ các hoạt động học tập bên ngoài lớp học thông qua trải nghiệm trực tiếp, bao gồm nghiên cứu, thực tập, học tập thực tế trong nước, hoặc chương trình nghiên cứu, thực tập sinh ở nước ngoài,... [1], [2], [3], [4]. Đối với hầu hết các nền giáo dục tiên tiến ở Hoa Kỳ và các nước Tây Âu, hoạt động thực địa là một phần quan trọng trong các chương trình đào tạo [5], [6], [7]. Các trường đại học ở phương Tây cũng nhìn nhận hoạt động thực địa là một tiếp cận giáo dục hiệu quả bởi nó mang đến cho người học cơ hội lĩnh hội tri thức từ thực tiễn, tạo môi trường cho sinh viên phát triển các kỹ năng tự học (thông qua nghiên cứu và tương tác với thực tế) và các phẩm chất chuyên môn. Nhiều hoạt động thực địa như thực tập tại trang trại, trường học, khảo sát thực tế,... rèn các kỹ năng “mềm” giúp sinh viên trưởng thành hơn trong công việc, bao gồm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tự quản lý và kỹ năng học tập suốt đời. Việc tham gia hoạt động thực địa ở các môi trường văn hóa và bối cảnh xã hội khác nhau thúc đẩy ý thức hội nhập và tôn trọng đa văn hóa, truyền cảm hứng dẫn thân và hành động trong sinh viên để giúp giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu như khủng hoảng môi trường, dịch bệnh, phát triển bền vững, giảm đói nghèo và bất bình đẳng xã hội,...

[8]. Nói cách khác, hoạt động thực địa cũng là một tiếp cận quan trọng trong đào tạo thế hệ công dân toàn cầu thế kỷ XXI và trong nỗ lực hiện thực hóa Mục tiêu phát triển bền vững (SDG4) Chương trình Nghị sự 2030 của Liên Hợp quốc [7], [8]. Vì vậy, kỹ năng chuyên môn và phẩm chất năng lực từ các hoạt động thực địa sẽ là một lợi thế quan trọng giúp sinh viên tăng khả năng được tuyển dụng và cơ hội phát triển ở nhiều môi trường làm việc khác nhau.

Tại Việt Nam, hoạt động thực địa ngày càng được chú trọng và đa dạng hóa trong chương trình đào tạo tại các trường đại học, bao gồm thực tập (tại các doanh nghiệp, trang trại, trường học,...), học tập thực tế tại địa phương, tham gia các chương trình hoặc dự án nghiên cứu, các khóa học/thực tập sinh ngắn hạn tại nước ngoài,... Điều kiện hội nhập quốc tế và các nguồn tài trợ nghiên cứu dồi dào từ Nhà nước và các tổ chức nước ngoài càng tạo thuận lợi và thúc đẩy sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động thực địa. Ở một số trường đại học, hoạt động thực địa còn được xem là một tiếp cận tạo nên sự khác biệt của chương trình đào tạo và là một phần trong chỉ số “dịch chuyển sinh viên” (student mobility) được dùng để xếp hạng chương trình hoặc trường đại học [9]. Trường Đại học Cần Thơ (CTU) là một ví dụ điển hình. Mỗi năm, trường có hơn 5.000 sinh viên tốt nghiệp,

phần lớn trong số này đều phải hoàn thành đề tài luận văn hoặc các đồ án gắn liền với hoạt động thực địa. Nhà trường đảm bảo nguồn lực và sự hỗ trợ cho hoạt động thực địa của sinh viên thông qua mạng lưới hợp tác đa dạng với doanh nghiệp và các dự án tài trợ nghiên cứu, trao đổi sinh viên quốc tế và cung cấp cơ hội cho học tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài.

Về mặt lý thuyết, hoạt động thực địa không chỉ giúp sinh viên giải quyết các học phần trong chương trình học mà còn giúp phát triển năng lực hội nhập. Thông qua hoạt động thực địa, nhất là ở những khu vực có sự khác biệt về bối cảnh địa lý, văn hóa, chính trị, tôn giáo,... sinh viên dễ thích ứng với môi trường đa văn hóa và có ý thức hành động vì mục tiêu phát triển bền vững [10]. Tuy vậy, hoạt động thực địa vẫn còn là một thách thức với nhiều sinh viên vì nó diễn ra ngoài phạm vi lớp học, tiềm ẩn nhiều thách thức đòi hỏi sinh viên phải có sự chuẩn bị chu đáo về tâm lý, kỹ năng và các nguồn lực khác. Khảo sát ban đầu một số chương trình đào tạo thuộc các ngành có đòi hỏi hoạt động thực địa như Địa lý học, Việt Nam học (Du lịch), các ngành Khoa học Môi trường, Thủy sản, Kinh tế, Nông nghiệp,... tại CTU cho thấy, thiếu các học phần hoặc chương trình tập huấn chính khóa liên quan đến rèn luyện năng lực và kỹ năng thực địa cho sinh viên. Việc thiếu hiểu biết về những yếu tố rủi ro mà sinh viên có thể đối mặt trong chuyến đi càng làm giảm cơ hội để đảm bảo an toàn và đạt được kết quả tốt nhất. Do vậy, hoạt động thực địa được phổ biến và hiệu quả trong sinh viên, rất cần sự đánh giá về tác động của các yếu tố khác nhau để giúp nhà quản lý có sự hỗ trợ kịp thời ở những khía cạnh mà sinh viên đang cần nhất.

Nghiên cứu này nhằm giải quyết vấn đề nêu trên bằng cách xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả và sự an toàn trong hoạt động thực địa của sinh viên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cung cấp các dữ liệu thực tiễn về sự khác biệt trong nhận thức và yếu tố rủi ro mà sinh viên ở những nước đang phát triển như Việt Nam đang đối mặt so với sinh viên ở các nền giáo dục tiên tiến.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu

Trường Đại học Cần Thơ là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm, trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của của Nhà nước ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Trường được chọn là địa bàn nghiên cứu bởi đây là trường đào tạo đa ngành và là một trong số ít các trường đại học trên cả nước đạt chuẩn đào tạo quốc tế của AUN (ASEAN University Network) [11]. Ngoài quy mô đào tạo lớn với hơn 5.000 sinh viên tốt nghiệp hằng năm, trường còn là trung tâm nghiên cứu khoa học để phục vụ sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ. Theo số liệu công bố trên website CTU, đến cuối năm 2022, Trường có hơn 400 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, hơn 2.100 bài báo khoa học và 40 dự án quốc tế. Vì vậy,

các hoạt động thực địa diễn ra sôi nổi và là một phần quan trọng trong rất nhiều chương trình, ngành đào tạo tại trường, nhất là các ngành nông nghiệp, thủy sản, môi trường, khoa học xã hội, giáo dục, phát triển nông thôn,... Điều này cho phép nhóm tác giả tiếp cận dễ dàng các thông tin cần thiết trong nghiên cứu và thuận lợi trong việc thu thập dữ liệu mang tính liên ngành.

2.1.2. Thu thập và phân tích dữ liệu

Phiếu điều tra được thiết kế trên Google Form và gửi đến sinh viên để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu. Bảng hỏi được xây dựng gồm ba nội dung chính: 1) Thông tin sinh viên và nhận thức của sinh viên về hoạt động thực địa; 2) Các câu hỏi giúp xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả và sự an toàn trong hoạt động thực địa; 3) Những nhu cầu, chuẩn bị cần thiết cho hoạt động thực địa ở trường đại học. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert theo các mức độ: 1. Không đồng ý, 2. Không đồng ý một phần, 3. Không ý kiến, 4) Đồng ý một phần, 5) Đồng ý. Nội dung bảng hỏi tập trung vào 12 yếu tố có tiềm năng ảnh hưởng đến hoạt động thực địa được nhận diện ở khung lý thuyết. Các yếu tố được lựa chọn dựa trên kế thừa kết quả từ những nghiên cứu trước đó phù hợp với bối cảnh ở Việt Nam. Thông tin về các biến, thang đo và giá trị được mã hóa được trình bày trong Bảng 1. Hoạt động thu thập dữ liệu diễn ra vào tháng 2 năm 2023 bằng hình thức trực tuyến. Sinh viên được lựa chọn để khảo sát theo phương pháp ngẫu nhiên nhưng đảm bảo cân bằng các yếu tố về giới, tuổi (số năm theo học), chuyên ngành,... (xem Bảng 2). Tổng số phiếu khảo sát thu được là 204 và tất cả số phiếu đều hợp lệ để sử dụng trong phân tích kết quả (100%).

Kết quả khảo sát từ Google Form được mã hóa và phân tích bằng phần mềm SPSS. Ngoài các thông tin về đối tượng khảo sát, nhận thức của sinh viên về các hoạt động học tập, nghiên cứu bên ngoài lớp học và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động thực địa của sinh viên được phân tích dưới dạng thống kê mô tả, tính tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (standard deviation). Kết quả phân tích được gửi đến tham vấn một số sinh viên tham gia hoạt động khảo sát và thầy cô có kinh nghiệm hướng dẫn thực địa ($n = 8$) nhằm kiểm chứng, xác nhận và đảm bảo yêu cầu minh bạch trong nghiên cứu (dữ liệu mà họ cung cấp được sử dụng trong nghiên cứu như thế nào). Các phản hồi từ hoạt động này cũng được xem xét để hoàn thiện kết quả nghiên cứu.

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả và sự an toàn trong hoạt động thực địa

Trong nghiên cứu này, tính an toàn được hiểu là sự an toàn về thể chất, tinh thần, an toàn về dữ liệu và an toàn cho các bên tham gia ngoài chủ thể thực hiện hoạt động thực địa. Vì vậy, hiệu quả của hoạt động thực địa không chỉ đòi hỏi đảm bảo về lượng kiến thức, thông tin mà sinh viên lĩnh hội, thu thập được khi tham gia các chương

Bảng 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả và sự an toàn trong hoạt động thực địa

Yếu tố ảnh hưởng	Mô tả	Giá trị	Giả thuyết về sự tác động
Giới tính	Nam giới thường có mức độ thực hiện hoạt động thực địa an toàn và hiệu quả hơn nữ giới.	Nam/nữ	+ hoặc -
Năm đào tạo	Sinh viên các năm cuối có nhiều kinh nghiệm và hiệu quả thực địa có xu hướng cao hơn sinh viên mới.	Năm	+
Tôn giáo	Sinh viên theo tôn giáo thường gặp khó khăn khi thực địa tại những khu vực khác biệt về tôn giáo, văn hóa.	Không hoặc có tôn giáo	+ hoặc -
Kinh nghiệm	Sinh viên nhiều kinh nghiệm thực địa có sự chuẩn bị tốt hơn và xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh.	Số lần tham gia hoạt động thực địa	+
Nhận thức	Sinh viên có nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động thực địa thường có sự chuẩn bị và thái độ nghiêm túc hơn trong khi tham gia hoạt động thực địa.		+
Tài chính	Sinh viên có nguồn tài chính tốt thường có xu hướng trang bị đầy đủ trang thiết bị khi đi thực tế, từ đó đảm bảo sự an toàn và hiệu quả.		+
Chính sách của nhà trường	Nhà trường có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hoạt động thực địa.		+
Bối cảnh địa lí	Bối cảnh địa lí bất lợi (khu vực thường xảy ra thiên tai, khó đi lại,...) làm gia tăng rủi ro cho hoạt động thực địa.		-
Bối cảnh xã hội	Sự khác biệt về văn hóa, tôn giáo, ẩm thực, ngôn ngữ... là nguyên nhân quan trọng khiến cho hoạt động thực địa ít an toàn và hiệu quả.		-
Đạo đức nghiên cứu	Sinh viên được trang bị tốt về "các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu" có ý thức chuẩn bị và ứng xử minh bạch và có trách nhiệm trong hoạt động thực địa.		+
Sức khỏe	Sinh viên có sức khỏe không tốt có thể ngại tham gia các hoạt động thực địa và ngược lại.		+ hoặc -
Bối cảnh chính trị	Khu vực bất ổn chính trị và các vấn đề an ninh khác (tội phạm, xung đột,...) làm tăng rủi ro cho hoạt động thực địa.		-

Bảng 2: Thông tin nhân khẩu học

TT	Yếu tố	Số lượng	%	TT	Yếu tố	Số lượng	%
1	Giới tính				Hoa	1	0,5
	Sinh viên nam	90	44,2		Khác	3	1,5
	Sinh viên nữ	114	55,8				
2	Số năm đào tạo			4	Ngành học		
	Sinh viên năm 1	1	0,5		Sư phạm	74	36,2
	Sinh viên năm 2	2	1		Nông nghiệp	27	13,1
	Sinh viên năm 3	122	59,8		Kinh tế	28	13,6
	Sinh viên năm 4	79	38,7		Khoa học Xã hội và Nhân văn	22	10,6
3	Dân tộc			Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên	7	3,5	
	Kinh	198	97	Khoa học Tự nhiên	2	1	
	Khmer	2	1	Khác	44	22	

trình thực tập, nghiên cứu, học tập thực tế,... mà còn dựa trên mức độ an toàn đối với bản thân (thể chất và tinh thần) và đối với các đơn vị có dính líu trực tiếp hoặc gián tiếp (đơn vị chủ quản, đơn vị đối tác/tài trợ, đối tượng tham gia cung cấp thông tin, cộng đồng địa phương,...). Một số biểu hiện thiếu an toàn và hiệu quả phổ biến trong hoạt động thực địa bao gồm sốc tâm lí do bị quấy rối hoặc do bất đồng về văn hóa, tập quán ở nơi diễn ra hoạt

động thực địa; dữ liệu thu thập bị rò rỉ, không đảm bảo yêu cầu bảo mật và tính toàn vẹn; gặp tai nạn, bệnh tật; vi phạm pháp luật hoặc những điều cấm kị về văn hóa/tôn giáo ở địa phương,... [12], [13], [14].

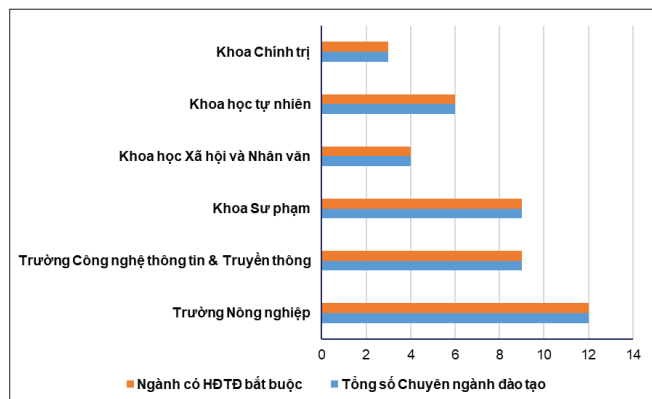
Như vậy, có nhiều rủi ro tiềm ẩn làm ảnh hưởng đến an toàn và chất lượng của các hoạt động thực địa [12]. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, tính hiệu quả và an toàn trong các hoạt động học tập, nghiên cứu bên ngoài

lớp học của sinh viên chịu sự chi phối bởi các yếu tố như giới tính, kinh nghiệm, tài chính, tình trạng sức khỏe của sinh viên, nhận thức của giảng viên cùng các vấn đề về trật tự, bối cảnh xã hội, tội phạm [10], [15], [16], [17], [18], [19]. Bên cạnh đó, bối cảnh địa lý, chính sách đào tạo,... cũng có ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động thực địa của sinh viên [20], [21], [22]. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả kế thừa các kết quả nghiên cứu vừa nêu bằng cách chọn lọc các yếu tố ảnh hưởng tiềm năng dựa theo bối cảnh tại Việt Nam và Trường Đại học Cần Thơ để xây dựng khung đánh giá những yếu tố ảnh hưởng (xem Bảng 1).

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Thực trạng hoạt động thực địa tại Trường Đại học Cần Thơ

Hoạt động thực địa tại Trường Đại học Cần Thơ đa dạng, bao gồm các hoạt động thực tập kết hợp nghiên cứu tại doanh nghiệp, trang trại, trường học, các chuyến tham quan thực tập thực tế hoặc khảo sát nghiên cứu tại địa phương,... Các hoạt động này là một phần bắt buộc trong học phần chuyên ngành hoặc chương trình đào tạo ở hầu hết các khoa và trường thành viên. Kết quả thống kê hoạt động thực địa của 43 ngành thuộc 6/15 khoa, trường thành viên, gồm: khoa Khoa học Chính trị, khoa Khoa học Tự nhiên, khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, khoa Sư phạm, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường Nông nghiệp cho thấy tất cả các ngành đều có ít nhất một học phần bắt buộc liên quan đến hoạt động thực địa (xem Hình 1). Chẳng hạn, 100% các ngành thuộc Trường Nông nghiệp (12 ngành) có học phần thực tập bắt buộc tại các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất. Trong đó, một số ngành như chăn nuôi, thú y,... có hơn 3 học phần thực tập và nghiên cứu tại các trang trại ở những tỉnh khác nhau mà sinh viên phải tham gia trong thời gian đào tạo. Các chương trình đào tạo thuộc khoa Sư phạm có ít nhất 3 học phần thực địa, trong đó 2 học phần bắt buộc là kiến tập và thực tập ở trường phổ thông (xem Hình 2).



Hình 1: Chuyên ngành đào tạo có hoạt động thực địa bắt buộc (màu cam) trên tổng số chuyên ngành (màu xanh) tại một số đơn vị thuộc CTU (Nguồn: Thống kê từ www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html)

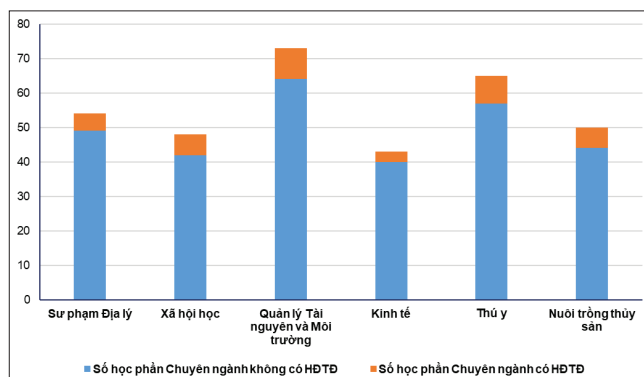
Kết quả khảo sát (n = 204) cho thấy, tất cả người tham gia đều đồng ý rằng, đã từng tham gia hoạt động thực địa ít nhất một lần, trong đó chủ yếu là sinh viên đang học năm thứ ba (59,8%) và năm thứ tư (38,7%). Hoạt động thực địa là hoạt động gần như bắt buộc mà tất cả các sinh viên đều phải trải qua trước khi tốt nghiệp. Đối với một số sinh viên kinh nghiệm và kết quả từ các hoạt động thực địa, nhất là các dự án nghiên cứu và thực tập, là một điểm nhấn quan trọng trong CV xin việc [23], [24].

Tuy hoạt động thực địa tại CTU rất sôi nổi và đa dạng nhưng hiện nay nhà trường vẫn chưa có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ cụ thể nào cho hoạt động này. Gần 90% sinh viên được khảo sát cho biết. Họ đều mong muốn nhà trường nên cung cấp tài liệu hướng dẫn chính thức cho hoạt động thực địa hoặc các khóa tập huấn về những kĩ năng cần thiết cho sinh viên tham gia các hoạt động thực địa.

2.2.2. Nhận thức của sinh viên về hoạt động thực địa

Hoạt động thực địa dù được diễn ra phổ biến trong các khóa học tại trường nhưng sinh viên chưa có nhận thức đúng về hoạt động này. Sinh viên chỉ chú tâm vào các học phần lí thuyết trên lớp mà giảm đi các ý tưởng nghiên cứu hoặc sáng kiến hành động để ứng dụng kiến thức phục vụ giải quyết vấn đề ở cộng đồng. Một số đến với hoạt động này trong sự miễn cưỡng phải hoàn thành mà bỏ qua những giá trị mà nó mang lại cho bản thân [25]. Nguyên nhân một phần do nhà trường vẫn chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể và tổ chức những buổi tập huấn, hướng dẫn nhằm cung cấp các kiến thức thực địa cần thiết cho sinh viên. Các nghiên cứu gần đây nhấn mạnh sự cần thiết của nâng cao nhận thức, động lực và thái độ của sinh viên trong các hoạt động học tập, nghiên cứu ngoài lớp học [10], [26], [27].

Gần 60% số sinh viên được khảo sát cho biết, bản thân chưa từng tham gia bất kì lớp tập huấn, hướng dẫn nào nhằm chuẩn bị cho chuyến đi của mình. Thay vào đó, họ chủ yếu tự tìm hiểu và dựa trên kinh nghiệm bản thân khi tham gia hoạt động thực địa. 29,4% sinh viên



Hình 2: Số học phần có hoạt động thực địa trong chương trình đào tạo một số ngành cụ thể tại CTU (Nguồn: Thống kê từ www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html)

học hỏi kinh nghiệm của những người đã từng tham gia thực địa; 18,6% sinh viên vừa tự tìm hiểu vừa chia sẻ kinh nghiệm với bạn bè. Kết quả trên chỉ ra rằng, sinh viên còn bị động và chưa có sự chuẩn bị bài bản về nhận thức lẫn kỹ năng cho các học phần thực địa của mình. Điều này lí giải nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa của hoạt động thực địa. Hơn nữa, việc “tự trang bị kinh nghiệm thực địa” dẫn đến những định kiến trong khi tham gia thực địa hoặc sự chuẩn bị không hiệu quả do giới hạn nguồn lực và hiểu biết của sinh viên.

2.2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả và sự an toàn trong hoạt động thực địa

Trong nghiên cứu này, yếu tố có giá trị trung bình (mean) $\geq 4,00$ nghĩa là người được khảo sát đồng ý rằng nó có ảnh hưởng cao nhất đến sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động thực địa. Kết quả phân tích cho thấy, có 4 trong số 12 biến độc lập được xem xét có mean $\geq 4,00$, bao gồm “chính sách của nhà trường” (mean = 4,21), “bối cảnh địa lí” (mean = 4,00), “bối cảnh xã hội” (mean = 4,09) và “sức khỏe” (mean = 4,36). Nói cách khác, 4 yếu tố này có ảnh hưởng quyết định đến khả năng sự tham gia và hiệu quả của hoạt động thực địa theo quan điểm của sinh viên (xem Bảng 3). Ngoài ra, các yếu tố như “năm đào tạo” (mean = 3,72), “nhận thức của sinh viên” (mean = 3,72), “khả năng tài chính” (mean = 3,91), “đạo đức nghiên cứu” (mean = 3,56) và “bối cảnh chính trị” (mean = 3,60) cũng được ghi nhận về mặt thống kê là có mức độ tác động nhất định đến hoạt động thực địa. Các yếu tố còn lại không thể hiện khả năng ảnh hưởng về mặt thống kê (mean < 3,5).

“Chính sách của nhà trường” có tác động tích cực đến sự an toàn và hiệu quả của hoạt động thực địa. Sinh viên sẽ cảm thấy tự tin và có động lực tham gia các hoạt động bên ngoài lớp học hơn nếu phía nhà trường có chính sách khuyến khích và hỗ trợ chính thức, đồng thời cung cấp các chương trình tập huấn và tài liệu hướng dẫn một cách bài bản. Đa số sinh viên (93%) được khảo sát đều đồng ý rằng, những tài liệu, chương trình tập huấn nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động thực địa là rất cần thiết để giúp họ có sự chuẩn bị đầy đủ cho chuyến đi. Do yếu tố lịch sử và triết lí đào tạo, nhiều trường đại học ở Việt Nam vẫn còn nặng về trang bị kiến thức hàn lâm [28], [29]. Chính vì vậy, các nguồn lực và chính sách vẫn chủ yếu tập trung cho các hoạt động giảng dạy và học tập trên lớp học và các phòng thí nghiệm. Các chương trình liên kết với doanh nghiệp và hợp tác tài trợ cũng hạn chế nên nguồn tài trợ và cơ hội cho hoạt động thực địa của sinh viên còn thiếu thốn [29], [30].

“Bối cảnh địa lí” và “bối cảnh xã hội” có ảnh hưởng đến tính an toàn và hiệu quả của hoạt động thực địa. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, sự hạn chế về hạ tầng giao thông, điện và kết nối Internet, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, tai nạn giao thông, buôn người, an ninh mạng,... vừa là rào cản lớn và tạo ra các rủi ro mà sinh viên có thể đối mặt. Ngoài ra, sự khác biệt về ẩm thực, tôn giáo, ngôn

Bảng 3: Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của 12 yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động thực địa

Yếu tố	Mean	SD
Giới tính	3.39	1.01
Năm đào tạo	3.72	0.98
Tôn giáo	3.03	1.12
Kinh nghiệm	3.33	1.22
Nhận thức của sinh viên	3.72	0.79
Khả năng tài chính	3.91	0.70
Chính sách của nhà trường	4.21	0.59
Bối cảnh địa lí	4.00	0.92
Bối cảnh xã hội	4.09	0.59
Đạo đức nghiên cứu	3.56	0.58
Sức khỏe	4.36	0.66
Bối cảnh chính trị	3.60	0.83

ngữ, tập quán địa phương... cũng tạo ra khó khăn, đòi hỏi sinh viên phải có sự chuẩn bị chu đáo để thích nghi. Sinh viên được khảo sát cho biết sẽ ưu tiên lựa chọn những nơi “an toàn và tiện lợi hơn” khi tham gia hoạt động thực địa như các địa bàn ở vùng đồng bằng, đô thị, khu vực có cơ sở hạ tầng phát triển,... Kết quả này phù hợp với các công bố của Grenier (2015), Awari (2020) và Shinkafi (2020) khi cho rằng, sự thuận lợi của bối cảnh địa lí và xã hội, bao gồm môi trường và thể chế, sẽ có tác động tích cực đến các hoạt động ngoài lớp học và ngược lại [22], [31], [32].

Yếu tố “sức khỏe” có ảnh hưởng lớn đến khả năng tham gia thực địa của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy, những sinh viên gặp vấn đề về sức khỏe (như khuyết tật, bệnh mãn tính, dị ứng thức ăn, say nắng, say tàu xe,...) thường có xu hướng ít tham gia các hoạt động thực địa. Dữ liệu thu thập chưa đủ để khẳng định liệu sinh viên “có sức khỏe yếu” sẽ có mức độ an toàn và hiệu quả thấp hơn so với các bạn có “sức khỏe tốt”. Phản hồi của sinh viên cho thấy yếu tố sức khỏe làm giảm sự tự tin, tăng áp lực tâm lí (tâm trạng lo lắng của bản thân và gia đình) và hạn chế sự lựa chọn của sinh viên khi tham gia hoạt động thực địa. Trong trường hợp phải tham gia thực tập hoặc nghiên cứu ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội hạn chế, địa hình bất lợi, hoặc nơi có môi trường làm việc áp lực cao, sinh viên khuyết tật hoặc có sức khỏe không đảm bảo sẽ đối mặt khó khăn nhiều hơn và phải nỗ lực lớn hơn để hoàn thành mục tiêu đề ra. Như vậy, những sinh viên có vấn đề sức khỏe có thể gặp bất lợi hơn so với sinh viên có sức khỏe tốt khi tham gia hoạt động thực địa, dẫn đến mức độ an toàn và hiệu quả trong hoạt động thực địa của nhóm này thường ở mức thấp. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Hall, Healey và Harrison (2002), Stokes và cộng sự (2019) với đánh giá rằng, sinh viên có vấn đề về sức khỏe gặp bất lợi lẫn nguy cơ bị “phân biệt đối xử” trong hoạt động thực địa [33], [34].

Sự ảnh hưởng của “năm đào tạo” đến hiệu quả và an

toàn của hoạt động thực địa được sinh viên tham gia khảo sát lí giải là do những sinh viên năm cuối có ưu thế hơn về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm so với sinh viên những năm đầu. Thêm vào đó, áp lực hoàn thành các học phần liên quan đến hoạt động thực địa để tốt nghiệp với thành tích cao cũng tạo động lực để các sinh viên năm cuối có ý thức nghiêm túc và đầu tư nhiều hơn vào các hoạt động thực địa. “Khả năng tài chính” của sinh viên cũng có khả năng ảnh hưởng nhất định. Sinh viên có tài chính tốt, bao gồm nguồn tài chính cá nhân hoặc học bổng, trang bị cho bản thân đầy đủ hơn (phương tiện giao thông, trang bị nghiên cứu, cơ sở lưu trú,...) nên có thuận lợi và hạn chế các rủi ro. Kinh nghiệm cá nhân, kiến thức chuyên môn, khả năng tài chính làm tăng sự tự tin, lựa chọn tham gia và thái độ tích cực của sinh viên trong hoạt động thực địa [35].

3. Kết luận

Dựa trên phân tích dữ liệu từ 204 phiếu khảo sát dành cho sinh viên các ngành khác nhau ở Trường Đại học Cần Thơ, nghiên cứu đã chỉ ra rằng, “chính sách của nhà trường”, “bối cảnh địa lí”, “bối cảnh xã hội” và “sức khỏe” có ảnh hưởng nhiều nhất đến tính an toàn, hiệu quả của hoạt động thực địa. Các yếu tố này không được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu cùng chủ đề ở các nước phát triển. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy nhận thức của sinh viên về hoạt động thực địa còn khá hạn chế. Những yếu tố này cản trở sự chủ động tham

gia và khả năng chuẩn bị cho các hoạt động học tập, nghiên cứu bên ngoài lớp học của sinh viên.

Chúng tôi khuyến nghị rằng, cần thể chế hóa hoạt động thực địa nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của nó trong các trường đại học. Bằng cách này, các hoạt động thực địa sẽ thúc đẩy sự “dịch chuyển sinh viên”, tạo cơ hội rèn luyện và phát triển năng lực chuyên môn và hội nhập, từ đó nâng cao sức hấp dẫn của chương trình đào tạo. Việc thể chế hóa có thể bắt đầu bằng các chính sách hỗ trợ chính thức, trang bị tài liệu và chương trình tập huấn thường xuyên. Các nỗ lực này của nhà trường sẽ giúp sinh viên tự tin và chuẩn bị tốt nhất cho hoạt động thực địa ở những bối cảnh khác nhau trong và ngoài nước.

Do giới hạn nguồn lực và thời gian nghiên cứu nên nghiên cứu này còn một số giới hạn cần được xem xét cho các nghiên cứu trong tương lai. Mặc dù nghiên cứu đã đảm bảo sự đa dạng và cân bằng trong mẫu khảo sát, chúng tôi khuyến nghị rằng, các nghiên cứu trong tương lai cần mở rộng quy mô mẫu, bao gồm phạm vi nhiều trường đại học hơn. Điều này cho phép sử dụng các công cụ phân tích sâu hơn như phân tích hồi quy để tăng ý nghĩa thống kê và tạo dữ liệu mang tính so sánh giữa các nhóm ngành, các nhóm sinh viên có bối cảnh và chuyên ngành khác nhau, hoặc giữa trường đại học.

Lời cảm ơn: Bài báo này là một phần trong đề tài được tài trợ bởi Trường Đại học Cần Thơ, mã số: T2023-77.

Tài liệu tham khảo

- [1] Gold, J., Jenkins, A., Lee, R., Monk, J., Riley, J., Shepherd, I., & Unwin, D., (1991), *Teaching Geography in Higher Education: A Manual of Good Practice*.
- [2] Becker, H.S., (1970), *Sociological Work*.
- [3] Guertin, L., (2005), *An indoor shopping mall building stone investigation with handheld technology for introductory geoscience students*, Journal of Geoscience Education, 53, pp. 253-256.
- [4] Maskall, J., & Stokes, A., (2008), *Designing Effective Fieldwork for the Environmental and Natural Sciences*.
- [5] Alice, L., Mauchline, Julie Peacock & Julian R. Park, (2013), *The Future of Bioscience Fieldwork in UK Higher Education*, Bioscience Education.
- [6] Bednarz, S.W., (2010), *Fieldwork in K-12 Geography in the United States*.
- [7] OECD, (2013), *The Skills Needed for the 21st Century, in OECD Skills Outlook 2013: First Results from the Survey of Adult Skills*, OECD Publishing, Paris.
- [8] UNESCO, (2015), *UNESCO moving forward the 2030 Agenda for Sustainable Development*
- [9] Brooks, R., & Waters, J., (2009), *International higher education and the mobility of UK students*, Journal of Research in International Education, 8(2).
- [10] Nguyễn Minh Quang, (2019), *Ý nghĩa và tiếp cận trong phát triển năng lực hội nhập cho sinh viên sư phạm*, Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam.
- [11] Nguyễn Ái Tuyết, (2021), *Danh sách các trường đại học top đầu Việt Nam*, truy xuất ngày 10 tháng 3 năm 2023, <https://giaoducplus.com/danh-sach-cac-truong-dai-hoc-top-dau-viet-nam>
- [12] Hilhorst, D., Hodgson, L., Jansen, B., & Mena, R., (2016), *Security guidelines for field research in complex, remote and hazardous places*, Erasmus University Rotterdam.
- [13] Murphy-Lejeune, E., (2002), *Student Mobility and Narrative in Europe The New Strangers*, Routledge, ISBN 9780815347286.
- [14] Alex, S., Anne, B., Tyng-Ruey, C., Caren, C., Finn, D., Rorie, E., Peter, E., Elaine, F., Carolynne, H., Rosy, M., Ioana, P., Adenike, S., & Kishore, S., (2021), *The Critical Importance of Citizen Science Data*, Frontiers in Climate, 3, <https://doi.org/10.3389/fclim.2021.650760>
- [15] Boyle, A., Maguire, S., Martin, A., Milsom, C., Nash, R., Rawlinson, S., Turner, A., Wurthmann, S., & Conchie, S., (2007), *Fieldwork is Good: the Student Perception and the Affective Domain*, Journal of Geography in Higher Education, 31, pp. 299-317.
- [16] Loftsdóttir, K., (2007), *Never forgetting? Gender and racial-ethnic identity during fieldwork*, Social Anthropology.
- [17] Leslie, H., (2000), *Gender, ethics and empowerment: Dilemmas of development fieldwork*, Women's Studies International Forum, 23, pp. 119-130.
- [18] Clark, J., (2006), *Field Research Methods in the Middle East*, Political Science and Politics.
- [19] Cook V.A., Phillips, D., & Holden, J., (2006), *Geography fieldwork in a 'risk society'*, Royal Geographical Society, 38(4), pp. 413-420.

- [20] Maskall, J., & Stokes, A., (2008), *Designing Effective Fieldwork for the Environmental and Natural Sciences*.
- [21] Tolonen, H., (2016), *EHES Manual. Part B. Fieldwork procedures. 2nd edition*, National Institute for Health and Welfare.
- [22] Grenier, M., (2015), *Facilitators and Barriers to Learning in Occupational Therapy Fieldwork Education: Student Perspectives*, *The American Journal of Occupational Therapy*, 69, <https://doi.org/10.5014/ajot.2015.015180>.
- [23] Erickson, R.A., (2001), *Why involve students in research?*, University of Nebraska – Lincoln.
- [24] Hiệp, M., (2022), *134 đề tài xuất sắc nhận Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ 24 năm 2022*, Trang tin điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, truy xuất ngày 10 tháng 04 năm 2023, <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/134-de-tai-xuat-sac-nhan-giai-thuong-sinh-vien-nghien-cuu-khoa-hoc-eureka-lan-thu-24-nam-2022-1491902013>.
- [25] Nguyễn Thị Tuyết, (2022), *Giải pháp nâng cao ý thức, thái độ cho sinh viên khối xã hội nhân văn*, Trang báo Sinh viên Đại học An Giang, truy xuất ngày 10 tháng 04 năm 2023, https://enews.agu.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=21095:2020-08-10-14-31-55&catid=13:khoa-hoc-voi-agu&Itemid=117.
- [26] Hines, R., Davidson, C., Zwart, R., & Ewert, A., (2019), *Exploring motivations and constraints of minority participation: College outdoor adventure programs*, *Research in Outdoor Education*, 17, 59-81.
- [27] Stokes, A., Magnier, K., & Weaver, R., (2011), *What is the use of fieldwork? Conceptions of students and staff in geography and geology*, *Journal of Geography in Higher Education*, 35(01), 121-141, <https://doi.org/10.1080/03098265.2010.487203>.
- [28] Trần Quỳnh và Tường Hân, (2016), *Nhân lực trình độ cao: Nặng lý thuyết, yếu thực hành*, Báo Tuổi trẻ, truy xuất ngày 11 tháng 03 năm 2023, <https://tuoitre.vn/nhan-luc-trinh-do-cao-nang-ly-thuyet-yeu-thuc-hanh-1087210.htm>.
- [29] Quang, N. M., (2019), *Geographies of Education for Sustainability (E/S): Shaping the E/S in Vietnam's approach to education*, In *Issues in Teaching and Learning of Education for Sustainability*, pp. 129-142, Routledge.
- [30] Đỗ Như, (2023), *Liên kết giữa doanh nghiệp và đào tạo còn lỏng lẻo*, Tạp chí điện tử VnEconomy, truy xuất ngày 13 tháng 04 năm 2023, <https://vneconomy.vn/lien-ket-giua-doanh-nghiep-va-dao-tao-con-long-leo.htm>
- [31] Awari, T., (2020), *Deconstructing the Challenges of Doing Research in Conflict Zones and Areas of Protracted Conflict: The Ecology of Life in Gaza*, In: Laher, I. (eds) *Handbook of Healthcare in the Arab World*. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-319-74365-3_220-1.
- [32] Shinkafi, T.S., (2020), *Challenges experienced by early career researchers in Africa*, *Future Science OA*, 6(5).
- [33] Hall, T., Healey, M., & Harrison, M., (2002), *Fieldwork and disabled students: discourses of exclusion and inclusion*, *Transactions of the Institute of British Geographers*, 27(2), 213-231.
- [34] Stokes, A., Feig, A. D., Atchison, C. L., & Gilley, B., (2019), *Making geoscience fieldwork inclusive and accessible for students with disabilities*, *Geosphere*, 15(6), 1809-1825.
- [35] Andonian, L., (2013), *Emotional intelligence, self-efficacy, and occupational therapy students' fieldwork performance*, *Occupational therapy in health care*, 27(3), 201-215, <https://doi.org/10.3109/07380577.2012.763199>.

FACTORS AFFECTING FIELDWORK SECURITY AND SUCCESS OF STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY

Nguyen Minh Quang*¹, Quach Thi Lan Phuong²,
Le Minh Hieu³, Nguyen Pham Ngoc Thien⁴

* Corresponding author

¹ Email: nmquang@ctu.edu.vn

² Email: phuongb1901333@student.ctu.edu.vn

Can Tho University

3/2 Road, Ninh Kiều district, Can Tho city,
Vietnam

³ Email: hieu.mef@gmail.com

Mekong Environment Forum

40M/2 KV3, Ninh Kiều district, Can Tho city,
Vietnam

⁴ Email: npnthien@agu.edu.vn

An Giang University

Ung Van Khiem street, Long Xuyen city,
An Giang province, Vietnam

ABSTRACT: *Fieldwork, a critical part of curricula, matters for enhancing professional skills and global competency that UNESCO defines for 21st-century citizens. However, participation and performance in field studies are believed to be different and disproportionate among students. Using surveys of 204 undergraduate students specializing in different disciplines at Can Tho University, this paper seeks to understand this problem by exploring the determinants influencing students' fieldwork activities. Data analyses showed that 4 out of 12 proposed factors in construction engineering s have significant impacts on students' fieldwork security and effectiveness, including incentive policy (mean = 4.21), geographical settings (mean = 4.09), social contexts (mean = 4.09), and student health status (mean = 4.36). These factors are generally underrepresented in recent studies geographically focusing on Western countries that emphasize the influence of gender, fieldwork experience, attitudes of fieldwork, financial capacity, and political contexts. Our findings suggest that field studies should be institutionalized and mainstreamed across degree programs and incentive policies, fieldwork-related materials, and training programs should be in place. These may help improve students' confidence and preparedness for fieldwork activities in different contexts, from home and abroad.*

KEYWORDS: *Fieldwork, Can Tho University, field research security, global competency, student mobility.*